

# THỜI KHÓA BIỂU CVN - NĂM HỌC 2025-2026: Tuần 42 (Từ ngày 22/6/2026 đến ngày 28/6/2026)

**-Sinh viên đi học đúng giờ (Sáng 08g; Chiều 13g; Tối 17g30) và đeo Thẻ Sinh viên khi đến Trường.**

**-Thứ Hai hàng tuần Chào cờ: Sinh viên có mặt lúc 07g50 (đồng phục theo quy định).**

**-Lúc 8g00 ngày 22/6/2026 (Thứ hai): Sinh viên thi lại tại Phòng 1.17**

Lớp	THỨ HAI (22/6)		THỨ BA (23/6)		THỨ TƯ (24/6)		THỨ NĂM (25/6)		THỨ SÁU (26/6)		THỨ BẢY (27/6)		CHỦ NHẬT (28/6)	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
Đạo diễn K29 (08SV)	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  Nhóm 1 (11/15)  T.Hồng	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (12/15) Nhóm 1 T.Hồng <b>HTA (13g-17g)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  Nhóm 1 (13/15)  T.Hồng	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (14/15) Nhóm 1 T.Hồng <b>HTA (13g-17g)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  Nhóm 2 (12/15)  T.Hồng	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) <b>HTA, Đa năng (13g-17g)</b>	(SV tự tập)	(SV tự tập)	(SV tự tập)	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) <b>P-2.2</b>	(13/15) Nhóm 2  T.Hồng	(14/15) Nhóm 2  T.Hồng	(SV tự tập)  T.Hồng	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) T.Hồng <b>HTA (13g-17g)</b>
	<b>HTA</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) T.Hồng <b>HTA (17g30-21g)</b>	<b>HTA</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) T.Hồng <b>HTA (17g30-21g)</b>	<b>HTA, Đa năng</b>	<b>Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (15/15) N1 Thi Phòng thi HTA Phòng chờ: Đa năng</b>	<b>P-2.2</b>	<b>P-2.2</b>	<b>P-2.2</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) <b>P-2.2 (17g30-21g)</b>	<b>P-2.2</b>	<b>P-2.2</b>	<b>HTA</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) T.Hồng <b>HTA (17g30-21g)</b>
Diễn viên 29A (19SV)		Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.2</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.2</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.2</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.2</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.2</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>HTA (AT-AS)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tập) T.Hồng <b>HTA (13g-17g)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  T.Hồng <b>HTA, 0.4, 2.1A (AT-AS)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tập) T.Hồng <b>HTA, 0.4, 2.1A (13g-17g)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>HTA, Đa năng, 0.4 (AT-AS)</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tập) <b>HTA, Đa năng, 0.4 (13g-17g)</b>	<b>Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (15/15) N2 Thi Phòng thi HTA Phòng chờ Đa năng, 0.4 (17g30-21g)</b>	
								Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) T.Hồng <b>HTA (17g30-21g)</b>		Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (SV tự tập) T.Hồng <b>HTA, 0.4, 2.1A (17g30-21g)</b>				
Diễn viên 29B (19SV)	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (7/15)  Nhóm 2 T.Thịnh <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>		Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (8/15)  Nhóm 2 T.Thịnh <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp (9/15)  Nhóm 2 T.Thịnh <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	Hướng dẫn bài thi thực hành nghề nghiệp  (SV tự tập)  <b>P-2.4</b>	







Lớp	THỨ HAI (22/6)		THỨ BA (23/6)		THỨ TƯ (24/6)		THỨ NĂM (25/6)		THỨ SÁU (26/6)		THỨ BẢY (27/6)		CHỦ NHẬT (28/6)	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
Thanh nhạc 29A (47SV) 29B (54SV) 29C (43SV)	<u>Thi tốt nghiệp</u>  TN29  Phòng thi 1.9, 1.2	<u>Thi tốt nghiệp</u>  TN29  Phòng thi 1.9, 1.2												
Thanh nhạc 30A (45SV) 30B (46SV) 30C (51SV)														
Thanh nhạc 31A (58SV) 31B (48SV) 31C (48SV)				<u>Thi</u> Tiếng Anh  Phòng thi: 1.1, 1.2, 1.3, 0.4, 1.17						<u>Thi</u> Tin học (15/15) Nhóm 7 C.Trang P-0.6 (Ghép TN31-N8 & HH31A)				